TỔ CÔNG TÁC ĐẤU GIÁ QUYỀN SD ĐẤT TP. QUY NHƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 11/TB-TCTĐG	*Quy Nhơn, ngày 24 tháng 6 năm 2022*

THÔNG BÁO
Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và các thủ tục có liên quan

Kính gửi: Công ty Đấu giá hợp danh Bình Định

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các khu quy hoạch dân cư do thành phố quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc Phê duyệt và điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các khu quy hoạch dân cư do thành phố quản lý;

Căn cứ Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc Phê duyệt và điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các khu quy hoạch dân cư do thành phố quản lý;

Căn cứ Thông báo số 575/TB-UBND ngày 24/6/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá;

Tổ công tác đấu giá quyền sử dụng đất thành phố Quy Nhơn đề nghị Công ty Đấu giá hợp danh Bình Định thực hiện các thủ tục cần thiết để ký Hợp đồng tổ chức đấu giá QSD đất, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất sớm nhất trong năm 2022 (có thể) theo đúng quy định hiện hành các lô đất sau:

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	**Khu quy hoạch dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình**			**11.348.000.000**	
+	**Đường D2, khu A5, lộ giới 24m**				
1	Lô 33	140,00	16.000.000	2.240.000.000	
+	**Đường D4, khu D1, lộ giới 22m**				
2	Lô 03	300,00	15.000.000	4.500.000.000	
+	**Đường số 2 lộ giới 24m và Đường D5, lộ giới 13m - khu D1**				

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
3	Lô 16	256,00	18.000.000	4.608.000.000	Lô góc
II	**Khu dân cư tại khu vực phía Bắc khu tái định Tiểu dự án vệ sinh môi trường, phường Nhơn Bình**			**8.580.000.000**	
+	**Đường ĐS1, lộ giới 12m**				
1	Lô 57	80,00	26.000.000	2.080.000.000	
2	Lô 58	80,00	26.000.000	2.080.000.000	
3	Lô 59	80,00	26.000.000	2.080.000.000	
4	Lô 60	90,00	26.000.000	2.340.000.000	
III	**Khu quy hoạch dân cư phía Bắc đường Đống Đa, phường Thị Nại**			**7.980.000.000**	
+	**Đường quy hoạch, lộ giới 12m**				
1	Lô 14	95,00	42.000.000	3.990.000.000	
2	Lô 15	95,00	42.000.000	3.990.000.000	
IV	**Khu DVTM 07, 08 thuộc khu dân cư tại dải cây xanh cách ly Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình**			**14.925.200.000**	
+	**Đường Điện Biên Phủ, lộ giới 34m**				
1	Lô D4	100,00	32.000.000	3.200.000.000	
+	**Đường quy hoạch lộ giới 30m và đường ĐS2, lộ giới 19m**				
2	Lô D7	135,70	36.000.000	4.885.200.000	Lô góc
+	**Đường quy hoạch lộ giới 30m**				
3	Lô D11	114,00	30.000.000	3.420.000.000	
4	Lô D12	114,00	30.000.000	3.420.000.000	
V	**Khu QHDC phía Đông đường Nguyễn Trọng Trì, phường Nhơn Bình**			**12.063.000.000**	
+	**Đường ĐS1, lộ giới 15m**				
1	Lô 03	44,20	35.000.000	1.547.000.000	
2	Lô 02	107,00	30.000.000	3.210.000.000	
+	**Đường ĐS6, lộ giới 14m**				
3	Lô 37	172,00	26.000.000	4.472.000.000	

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
+	**Đường ĐS7, lộ giới 12m**				
4	Lô 06F	109,00	26.000.000	2.834.000.000	
VI	**HTKT khu dân cư gần làng SOS, phường Nhơn Bình**			**2.600.700.000**	
+	**Đường ĐS4 lộ giới 12m**				
1	Lô 41	90,70	15.000.000	1.360.500.000	
2	Lô 42	68,90	18.000.000	1.240.200.000	Lô góc
VII	**HTKT khu tái định cư phục vụ khu Công nghiệp Long Mỹ, xã Phước Mỹ**			**19.719.000.000**	
+	**Đường ĐS10, lộ giới 14m và đường ĐS7, lộ giới 14m**				
1	Lô 13	267,00	5.400.000	1.441.800.000	Lô góc
+	**Đường ĐS10, lộ giới 14m**				
2	Lô 14	200,00	4.500.000	900.000.000	
3	Lô 15	200,00	4.500.000	900.000.000	
4	Lô 16	200,00	4.500.000	900.000.000	
5	Lô 17	200,00	4.500.000	900.000.000	
6	Lô 18	200,00	4.500.000	900.000.000	
7	Lô 19	200,00	4.500.000	900.000.000	
8	Lô 20	200,00	4.500.000	900.000.000	
9	Lô 21	200,00	4.500.000	900.000.000	
10	Lô 22	200,00	4.500.000	900.000.000	
11	Lô 23	200,00	4.500.000	900.000.000	
12	Lô 24	200,00	4.500.000	900.000.000	
13	Lô 25	200,00	4.500.000	900.000.000	
14	Lô 26	200,00	4.500.000	900.000.000	
15	Lô 27	200,00	4.500.000	900.000.000	
16	Lô 28	200,00	4.500.000	900.000.000	
17	Lô 29	200,00	4.500.000	900.000.000	
18	Lô 30	200,00	4.500.000	900.000.000	
19	Lô 31	200,00	4.500.000	900.000.000	
20	Lô 32	200,00	4.500.000	900.000.000	

STT	Lô số	Diện tích (m^2)	Đơn giá (Đồng/m^2)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
+	**Đường ĐS10, lộ giới 14m và đường ĐS4, lộ giới 14m**				
21	Lô 33	218,00	5.400.000	1.177.200.000	Lô góc
VIII	**Khu QHDC Lý Hưng, xã Nhơn Lý**				
+	**Đường số 7, lộ giới 12m và Đường số 4, lộ giới 10m**				
1	Lô 07	132,00	16.000.000	2.112.000.000	Lô góc
Tổng cộng	**41**	**6.688,50**		**79.327.900.000**	

(*Có sơ đồ kèm theo*)

Tổ công tác đấu giá quyền sử dụng đất thành phố Quy Nhơn đề nghị Công ty Đấu giá hợp danh Bình Định phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tài chính BĐ (b/cáo);
- Sở Tư pháp BĐ (b/cáo);
- UBND TP (b/cáo);
- Phòng TN-MT TP;
- Phòng QLĐT TP;
- Ban QLDA ĐTXD và PT quỹ đất TP;
- Lưu: VT.

T/M Tổ công tác đấu giá QSD đất
TP. Quy Nhơn

CỘNG HÒA X H C N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH
TP QUY NHƠN T BÌNH ĐỊNH

Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch TP
Phạm Thị Kim Loan